

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 03, ngày 08/08/2021)

Hình thức kiểm tra: trực tuyến qua Microsoft Teams

(Ban hành theo Quyết định số 963/2021/VHU/QĐ ngày 14 tháng 09 năm 2021)

| Stt | Số báo danh     | MSSV       | Họ                 | Tên    | Ngày sinh  | Nơi sinh        | Điểm |      |     |      |      | Điểm TB | Kết quả | Ghi chú  |
|-----|-----------------|------------|--------------------|--------|------------|-----------------|------|------|-----|------|------|---------|---------|----------|
|     |                 |            |                    |        |            |                 | Nói  | Nghe | Đọc | Viết | Tổng |         |         |          |
| 1   | VHU.TAC1.03.001 | 161A140109 | Kha Mỹ             | Án     | 08/10/1998 | Kiên Giang      | 6    | 9    | 8   | 8    | 31   | 7.8     | Đạt     |          |
| 2   | VHU.TAC1.03.002 | 171A140249 | Nguyễn Châu Quế    | Anh    | 08/01/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 6    | 10   | 10  | 8.5  | 34.5 | 8.6     | Đạt     |          |
| 3   | VHU.TAC1.03.003 | 161A140299 | Phan Thị Kim       | Anh    | 18/10/1998 | Tp. Hồ Chí Minh | 5.5  | 7.5  | 8.5 | 4.5  | 26   | 6.5     | Đạt     |          |
| 4   | VHU.TAC1.03.004 | 171A140242 | Vân Gia            | Bảo    | 08/09/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 6.5  | 9    | 8   | 3.5  | 27   | 6.8     | Đạt     |          |
| 5   | VHU.TAC1.03.005 | 193A140006 | Nguyễn Ngọc        | Chiêu  | 02/02/1990 | Bến Tre         | 6.5  | 9.5  | 10  | 7    | 33   | 8.3     | Đạt     |          |
| 6   | VHU.TAC1.03.006 | 193A140001 | Lê Phạm Thanh      | Duy    | 28/10/1997 | Long An         | 5    | 8    | 9.5 | 5.5  | 28   | 7.0     | Đạt     |          |
| 7   | VHU.TAC1.03.007 | 193A140009 | Lê Thị Phương      | Duyên  | 12/12/1992 | Lâm Đồng        | 6.5  | 9    | 9.5 | 5.5  | 30.5 | 7.6     | Đạt     |          |
| 8   | VHU.TAC1.03.008 | 151A140328 | Lê Thị Thu         | Hà     | 09/06/1997 | Bình Phước      | 5    | 9    | 9   | 4    | 27   | 6.8     | Đạt     |          |
| 9   | VHU.TAC1.03.009 | 171A140215 | Trần Phan Thanh    | Hằng   | 27/07/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 6    | 9.5  | 9   | 6    | 30.5 | 7.6     | Đạt     |          |
| 10  | VHU.TAC1.03.010 | 171A140110 | Trương Thị Mỹ      | Hằng   | 14/11/1999 | An Giang        | 5.5  | 8    | 9   | 6.5  | 29   | 7.3     | Đạt     |          |
| 11  | VHU.TAC1.03.011 | 161A140518 | Lê Thị Thu         | Hiền   | 20/02/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 6    | 9.5  | 9.5 | 6.5  | 31.5 | 7.9     | Đạt     |          |
| 12  | VHU.TAC1.03.012 | 171A140250 | Võ Trúc            | Hiệp   | 21/07/1999 | Tây Ninh        | 6.5  | 10   | 10  | 7.5  | 34   | 8.5     | Đạt     |          |
| 13  | VHU.TAC1.03.013 | 171A140099 | Trịnh Bảo          | Hòa    | 25/09/1999 | Bến Tre         | 5    | 8    | 10  | 6    | 29   | 7.3     | Đạt     |          |
| 14  | VHU.TAC1.03.014 | 171A140189 | Lê Trần Kim        | Hương  | 26/11/1999 | Tiền Giang      | 4.5  | 9    | 9   | 6.5  | 29   | 7.3     | Đạt     |          |
| 15  | VHU.TAC1.03.015 | 171A140254 | Nguyễn Huỳnh       | Hương  | 15/02/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 5    | 8    | 7.5 | 4.5  | 25   | 6.3     | Đạt     |          |
| 16  | VHU.TAC1.03.016 | 171A140084 | Lê Thị Thanh       | Huyền  | 15/12/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 7    | 7.5  | 9.5 | 5.5  | 29.5 | 7.4     | Đạt     |          |
| 17  | VHU.TAC1.03.017 | 171A140008 | Hồ Vi              | Kiên   | 26/03/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | 8    | 7.5  | 10  | 7    | 32.5 | 8.1     | Đạt     |          |
| 18  | VHU.TAC1.03.018 | 151A140570 | Bành Nhã           | Lạc    | 07/12/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 7    | 7.5  | 9   | 4.5  | 28   | 7.0     | Đạt     |          |
| 19  | VHU.TAC1.03.019 | 171A140276 | Nguyễn Thị Yến     | Lan    | 08/09/1999 | Tiền Giang      | 7    | 9.5  | 10  | 8    | 34.5 | 8.6     | Đạt     |          |
| 20  | VHU.TAC1.03.020 | 193A140005 | Hồ Thị Thủy        | Linh   | 31/5/1990  | Tp. Hồ Chí Minh | 5    | 9    | 10  | 6    | 30   | 7.5     | Đạt     |          |
| 21  | VHU.TAC1.03.021 | 161A090001 | Trần Văn           | Long   | 20/08/1989 | Đắklăk          | 5    | 9    | 9.5 | 6    | 29.5 | 7.4     | Đạt     |          |
| 22  | VHU.TAC1.03.022 | 193A140002 | Nguyễn Thị Ngọc    | Mai    | 09/02/1989 | Đồng Tháp       | 7.5  | 9.5  | 10  | 7    | 34   | 8.5     | Đạt     |          |
| 23  | VHU.TAC1.03.023 | 161A140427 | Trần Thị Kim       | Ngân   | 26/09/1998 | Tp. Hồ Chí Minh | 6    | 9.5  | 9.5 | 6    | 31   | 7.8     | Đạt     |          |
| 24  | VHU.TAC1.03.024 | 193A140008 | Trần Thị Yến       | Nhi    | 07/10/1991 | Bến Tre         | 5.5  | 8    | 9.5 | 4.5  | 27.5 | 6.9     | Đạt     |          |
| 25  | VHU.TAC1.03.025 | 161A140478 | Lê Hoài            | Nhi    | 17/04/1998 | Cà Mau          | 5.5  | 9.5  | 10  | 7.5  | 32.5 | 8.1     | Đạt     |          |
| 26  | VHU.TAC1.03.026 | 171A140105 | Huỳnh Phan Uyên    | Nhi    | 03/10/1999 | Bình Thuận      | 4.5  | 8    | 8   | 5.5  | 26   | 6.5     | Đạt     |          |
| 27  | VHU.TAC1.03.027 | 171A140143 | Nguyễn Thị Yến     | Nhi    | 24/04/1999 | An Giang        | 4.5  | 9    | 9   | 5    | 27.5 | 6.9     | Đạt     |          |
| 28  | VHU.TAC1.03.028 | 151A140649 | Nguyễn Trúc Uyên   | Nhi    | 22/11/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 4.5  | 5    | 5.5 | 5.5  | 20.5 | 5.1     | Đạt     |          |
| 29  | VHU.TAC1.03.029 | 171A140378 | Nguyễn Ngọc Bảo    | Như    | 10/12/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 9    | 9.5  | 10  | 6    | 34.5 | 8.6     | Đạt     |          |
| 30  | VHU.TAC1.03.030 | 151A140398 | Huỳnh Thị Thái     | Phi    | 06/10/1997 | Phú Yên         | -    | -    | -   | -    | -    | -       | -       | Vắng thi |
| 31  | VHU.TAC1.03.031 | 161A140400 | Nguyễn Thị Kim     | Quyên  | 07/08/1998 | Tp. Hồ Chí Minh | 5    | 7.5  | 10  | 4.5  | 27   | 6.8     | Đạt     |          |
| 32  | VHU.TAC1.03.032 | 171A140159 | Vũ Dạ              | Thào   | 12/06/1999 | Lâm Đồng        | 7    | 8    | 8   | 5    | 28   | 7.0     | Đạt     |          |
| 33  | VHU.TAC1.03.033 | 193A140007 | Nguyễn Thị Phương  | Thào   | 28/10/1978 | Tp. Hồ Chí Minh | 8    | 9.5  | 9.5 | 6    | 33   | 8.3     | Đạt     |          |
| 34  | VHU.TAC1.03.034 | 171A140387 | Hoàng Hiền         | Thào   | 26/10/1999 | Ninh Thuận      | 5    | 8    | 8   | 6    | 27   | 6.8     | Đạt     |          |
| 35  | VHU.TAC1.03.035 | 161A140425 | Nguyễn Thị Bảo     | Thị    | 06/04/1998 | Long An         | 5    | 9    | 9.5 | 6    | 29.5 | 7.4     | Đạt     |          |
| 36  | VHU.TAC1.03.036 | 161A140349 | Lê Trung           | Thiện  | 11/07/1998 | Tp. Hồ Chí Minh | 7    | 7.5  | 7   | 5    | 26.5 | 6.6     | Đạt     |          |
| 37  | VHU.TAC1.03.037 | 151A140631 | Nguyễn Thùy Thủy   | Tiến   | 21/05/1997 | Tp. Hồ Chí Minh | 7.5  | 8.5  | 9.5 | 7    | 32.5 | 8.1     | Đạt     |          |
| 38  | VHU.TAC1.03.038 | 151A140620 | Bùi Thị Giáng      | Tiến   | 01/01/1997 | Đắklăk          | 7    | 9    | 9   | 7    | 32   | 8.0     | Đạt     |          |
| 39  | VHU.TAC1.03.039 | 171A140103 | Trần Thị Thủy      | Tiến   | 28/10/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 5.5  | 9    | 9   | 6    | 29.5 | 7.4     | Đạt     |          |
| 40  | VHU.TAC1.03.040 | 161A140218 | Đinh Thị Triều     | Tiến   | 28/6/1998  | Phú Yên         | 5.5  | 10   | 10  | 6    | 31.5 | 7.9     | Đạt     |          |
| 41  | VHU.TAC1.03.041 | 171A030250 | Nguyễn Thị Anh     | Trâm   | 11/08/1999 | Đồng Tháp       | 7    | 6.5  | 7   | 6    | 26.5 | 6.6     | Đạt     |          |
| 42  | VHU.TAC1.03.042 | 171A140097 | Bùi Thị Ngọc       | Trâm   | 04/06/1999 | Tiền Giang      | 5    | 8.5  | 6.5 | 4    | 24   | 6.0     | Đạt     |          |
| 43  | VHU.TAC1.03.043 | 171A140346 | Đỗ Thạch Tuyết     | Trâm   | 04/11/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 7    | 7.5  | 7   | 5.5  | 27   | 6.8     | Đạt     |          |
| 44  | VHU.TAC1.03.044 | 171A140324 | Nguyễn An Thụy Bảo | Trần   | 28/11/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 6    | 10   | 10  | 7    | 33   | 8.3     | Đạt     |          |
| 45  | VHU.TAC1.03.045 | 193A140004 | Nguyễn Thị         | Trí    | 06/06/1990 | Quảng Ngãi      | 7    | 8    | 6.5 | 5    | 26.5 | 6.6     | Đạt     |          |
| 46  | VHU.TAC1.03.046 | 171A140033 | Dương Thị Ngọc     | Trình  | 19/12/1999 | Trà Vinh        | 6    | 8    | 10  | 6    | 30   | 7.5     | Đạt     |          |
| 47  | VHU.TAC1.03.047 | 171A140107 | Nguyễn Huệ         | Trúc   | 04/11/1999 | Đồng Nai        | 4.5  | 9    | 9.5 | 5    | 28   | 7.0     | Đạt     |          |
| 48  | VHU.TAC1.03.048 | 161A140217 | Nguyễn Thị Thu     | Tuyền  | 30/06/1998 | Long An         | 5    | 9.5  | 10  | 5.5  | 30   | 7.5     | Đạt     |          |
| 49  | VHU.TAC1.03.049 | 171A140118 | Đoàn Thị Cẩm       | Viên   | 17/03/1999 | Quảng Ngãi      | 5    | 9    | 10  | 5.5  | 29.5 | 7.4     | Đạt     |          |
| 50  | VHU.TAC1.03.050 | 171A140066 | Trần Văn           | Việt   | 15/05/1999 | Bình Thuận      | 5.5  | 6.5  | 9   | 6.5  | 27.5 | 6.9     | Đạt     |          |
| 51  | VHU.TAC1.03.051 | 171A140120 | Lê Thanh           | Vy     | 17/03/1999 | Tp. Hồ Chí Minh | 9    | 9    | 8.5 | 6    | 32.5 | 8.1     | Đạt     |          |
| 52  | VHU.TAC1.03.052 | 171A140057 | Nguyễn Thanh       | Hiền   | 26/10/1998 | Tp. Hồ Chí Minh | 5    | 5.5  | 0   | 0    | 10.5 | 2.6     | Rớt     |          |
| 53  | VHU.TAC1.03.053 | 151A140543 | Điền               | Nguyễn | 11/11/1997 | Bình Phước      | 7.5  | 9    | 9.5 | 7    | 33   | 8.3     | Đạt     |          |

Tổng số thí sinh theo danh sách: 53  
Số thí sinh vắng kiểm tra: 01  
Số thí sinh dự kiểm tra: 52  
Số thí sinh rớt: 01  
Số thí sinh đạt: 51

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TỬ MINH THIÊN